

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**

---

# **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

**CHUYÊN NGÀNH  
KINH TẾ HỌC  
MÃ SỐ: 62310101**

**Đã được Hội đồng Xây dựng Chương trình đào tạo bậc Tiến sĩ thông qua  
ngày 15 tháng 12 năm 2013**

HÀ NỘI - 2014

# MỤC LỤC

Trang

## **PHẦN I TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- 1 Mục tiêu đào tạo
- 1.1 Mục tiêu chung
- 1.2 Mục tiêu cụ thể
- 2 Thời gian đào tạo
- 3 Khối lượng kiến thức
- 4 Đối tượng tuyển sinh
- 5 Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt
- 6 Thang điểm
- 7 Nội dung chương trình
  - 7.1 Cấu trúc
  - 7.2 Học phần bổ sung
  - 7.3 Học phần Tiến sĩ
    - 7.3.1 Danh mục học phần Tiến sĩ
    - 7.3.2 Mô tả tóm tắt học phần Tiến sĩ
    - 7.3.3 Kế hoạch học tập các học phần Tiến sĩ
  - 7.4 Chuyên đề Tiến sĩ
- 8 Danh sách Tạp chí / Hội nghị Khoa học

## **PHẦN II ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

- 9 Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo
  - 9.1 Danh mục học phần bổ sung
  - 9.2 Danh mục học phần trình độ Tiến sĩ
- 10 Đề cương chi tiết các học phần trình độ Tiến sĩ

**PHẦN I**

**TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ  
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ HỌC

**Tên chương trình:** Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế học  
**Trình độ đào tạo:** Tiến sĩ  
**Chuyên ngành đào tạo:** Kinh tế học (Economics)  
**Mã chuyên ngành:** 62310101

(Ban hành theo Quyết định số 3446/QĐ-ĐHBK-SDH ngày 4 tháng 9 năm 2014  
của Hiệu trưởng trường ĐH Bách Khoa Hà Nội)

## 1. Mục tiêu đào tạo

### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế học nhằm đào tạo các cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu ở trình độ cao các lĩnh vực thuộc về khoa học kinh tế, có tư duy khoa học, có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế quốc dân và quốc tế, đồng thời có khả năng tham gia đào tạo bậc đại học và sau đại học.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi đã hoàn thành chương trình đào tạo, tiến sĩ Chuyên ngành Kinh tế học:

- Có khả năng phát hiện những vấn đề nghiên cứu mới xuất phát từ thực tiễn và lý luận trong lĩnh vực kinh tế học và khoa học quản lý trong các lĩnh vực kinh tế của quốc gia và thế giới.
- Có kỹ năng thực hiện các nghiên cứu có ý nghĩa một cách độc lập trong lĩnh vực kinh tế và khoa học quản lý dưới dạng các đề tài nghiên cứu, bài báo và tham luận khoa học.
- Có năng lực đề xuất các giải pháp trong lĩnh vực kinh tế vĩ mô tầm quốc gia, cho đến cấp ngành và các doanh nghiệp.
- Có khả năng lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế và khoa học quản lý.
- Có kiến thức và kỹ năng cao để giảng dạy và biên soạn giáo trình cho bậc đại học và sau đại học trong lĩnh vực kinh tế học và khoa học quản lý.

## 2. Thời gian đào tạo

- *Hệ tập trung liên tục*: 3 năm liên tục đối với NCS có bằng ThS, 4 năm đối với NCS có bằng ĐH.
- *Hệ không tập trung liên tục*: NCS có văn bằng ThS đăng ký thực hiện trong vòng 4 năm đảm bảo tổng thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường là 3 năm và 12 tháng đầu tiên tập trung liên tục tại Trường.

## 3. Khối lượng kiến thức

Khối lượng kiến thức bao gồm khối lượng của các học phần Tiến sĩ và khối lượng của các học phần bổ sung được xác định cụ thể cho từng loại đối tượng tại mục 4.

- NCS đã có bằng thạc sĩ: tối thiểu 8 tín chỉ + khối lượng bổ sung (nếu có).
- NCS mới có bằng đại học: tối thiểu 8 tín chỉ + các tín chỉ thuộc Chương trình Thạc sĩ Khoa học, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh (không yêu cầu làm luận văn).

## 4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là những người tốt nghiệp đại học hoặc cao học các chuyên ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh (được gọi là đúng ngành).

Đối tượng tuyển sinh như sau:

Có bằng ThS của ĐH Bách Khoa Hà Nội với ngành tốt nghiệp cao học đúng với chuyên ngành Tiến sĩ. *Đây là đối tượng không phải tham gia học bổ sung*, gọi tắt là đối tượng **A1**.

Có bằng tốt nghiệp Đại học loại xuất sắc với ngành tốt nghiệp đúng với chuyên ngành Tiến sĩ. *Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung*, gọi tắt là đối tượng **A2**.

Có bằng ThS đúng ngành, nhưng không phải là ThS của ĐH Bách Khoa Hà Nội. *Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung*, gọi tắt là đối tượng **A3**.

## 5. Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt

- Quy trình đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tuân thủ Quy định 1035/2011/QĐ-ĐHKBK-SĐH về tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học của ĐH Bách Khoa Hà Nội.
- Các học phần bổ sung phải đạt mức điểm C trở lên (xem mục 6).
- Các học phần Tiến sĩ phải đạt mức điểm B trở lên (xem mục 6).

## 6. Thang điểm

*Khoản 6a Điều 62 của Quy định 1035/2011/QĐ-ĐHKBK-SĐH quy định:*

- Việc chấm điểm kiểm tra - đánh giá học phần (bao gồm các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần) được thực hiện theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy. Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm

kiểm tra và điểm thi kết thúc (tổng của tất cả các điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần).

- Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ với mức như sau:

Điểm số từ	8,5 – 10	chuyển thành	điểm A (Giỏi)
Điểm số từ	7,0 – 8,4	chuyển thành	điểm B (Khá)
Điểm số từ	5,5 – 6,9	chuyển thành	điểm C (Trung bình)
Điểm số từ	4,0 – 5,4	chuyển thành	điểm D (Trung bình yếu)
Điểm số dưới	4,0	chuyển thành	điểm F (Kém)

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ gồm có 3 phần như bảng sau đây.

Phần	Nội dung đào tạo	A1	A2	A3
1	HP bổ sung	0	CT ThS (28TC)	$\geq 4TC$
	HP TS	8TC		
2	TLTQ	Thực hiện và báo cáo trong năm học đầu tiên		
	CĐTS	Tổng cộng 3 CĐTS, mỗi CĐTS 2TC		
3	NC khoa học			
	Luận án TS			

Lưu ý:

- Số TC qui định cho các đối tượng trong là số TC tối thiểu NCS phải hoàn thành.
- Đối tượng A2 phải thực hiện toàn bộ các học phần qui định trong chương trình ThS Khoa học của ngành tương ứng, không cần thực hiện luận văn ThS.
- Các HP bổ sung được lựa chọn từ chương trình đào tạo Thạc sĩ của ngành đúng chuyên ngành Tiến sĩ.
- Việc qui định số TC của HP bổ sung cho đối tượng A3 do người hướng dẫn (NHD) quyết định dựa trên cơ sở đối chiếu các học phần trong bảng kết quả học tập ThS của thí sinh với chương trình ThS hiện tại của ngành đúng chuyên ngành Tiến sĩ nhưng phải đảm bảo số TC tối thiểu trong bảng.
- Các HP TS được NHD đề xuất từ chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ của trường nhằm trang bị kiến cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu cụ thể của LATS.

### 7.2. Học phần bổ sung

Các học phần bổ sung được mô tả trong quyển “Chương trình đào tạo Thạc sĩ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh” hiện hành của trường ĐH Bách Khoa Hà Nội.

NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung trong thời hạn 2 năm kể từ ngày có quyết định công nhận là NCS.

### 7.3. Các học phần Tiến sĩ

#### 7.3.1. Danh mục học phần Tiến sĩ

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
1	EM7010	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	TS. Nguyễn Mai Anh/PGS. Nguyễn Văn Thanh	3	3(3-0-0-6)
2	EM7200	Các lý thuyết kinh tế học hiện đại	PGS.TS. Nguyễn Ái Đoàn	3	3(3-0-0-6)
3	EM7211	Lý thuyết Giá	TS. Bùi Xuân Hôi/TS. Nguyễn Đại Thắng	3	3(3-0-0-6)
4	EM7221	Kinh tế học phát triển	TS. Phạm Thị Kim Ngọc	3	3(3-0-0-6)
5	EM7131	Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững	TS. Phạm Thị Thu Hà/TS. Bùi Xuân Hôi	3	3(3-0-0-6)
6	EM7241	Kinh tế học lao động	TS. Nguyễn Danh Nguyên/ GS. Đỗ Văn Phúc	3	3(3-0-0-6)
7	EM7251	Kinh tế học tiền tệ	PGS. Nguyễn Ái Đoàn/TS. Nghiêm Sỹ Thương	3	3(3-0-0-6)
8	EM7261	Kinh tế tri thức	PGS.TS. Nguyễn Văn Thanh	3	3(2-2-0-6)

#### 7.3.2. Mô tả tóm tắt học phần Tiến sĩ

##### **EM7010 Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh**

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức lý thuyết về quá trình nghiên cứu trong khoa học kinh tế, các loại hình và phương pháp nghiên cứu, phương pháp xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu, lấy mẫu, đo lường và thang đo nghiên cứu, thiết kế bản câu hỏi, các phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

##### **EM7010 Research Methods in Economics and Business Studies**

The tools of research methodology will be discussed in this course and linked with problems in economics and business studies. The philosophical bases for conceiving and designing research, choice points in research design (eg, experimental vs. non-experimental methods, field vs. laboratory studies), and attendant issues of reliability, validity, and statistical analysis is covered. The course concludes with a hands-on examination of social research tools such as the questionnaire, interviews, and observation techniques.

### **EM7200 Các lý thuyết kinh tế học hiện đại**

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu của các lý thuyết kinh tế mới, các xu hướng phát triển của kinh tế học hiện đại trong mối quan hệ với các vấn đề kinh tế có tính thời sự trong nước và quốc tế.

### **EM7200 Modern Economics Theories**

This course aims to provide indeep knowledge of modern economics theories and the development trend of modern economics theories in the relationship with contemporary economics issues in Vietnam and over the world.

### **EM7211 Lý thuyết Giá**

Môn học hệ thống hoá các vấn đề lý thuyết về giá cả, các cách tiếp cận nghiên cứu, các phương pháp định giá, cơ chế hình thành và dao động của giá cả theo thời gian và theo các cấu trúc thị trường khác nhau: thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền, độc quyền nhóm. Trên cơ sở đó, lý thuyết giá cung cấp các nền tảng cho phép thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về động thái của giá cả, cơ chế hình thành giá cả trên các thị trường trong nước và quốc tế điển hình như thị trường dầu mỏ, thị trường các yếu tố đầu vào.

### **EM7211 Price Theory**

This course synthetize the fundamental theory of price, the different approaches to price researching, pricing methodologies, mecanismes of price determination and dynamics in different structures of market. So, the price theory supply the synthetic knowledge that permits to realize the studies of price determination and dynamics in the typical national and international markets like the petrol international market etc..

### **EM7221 Kinh tế học phát triển**

Kinh tế học phát triển là một khoa học nghiên cứu các lý thuyết, mô hình, nguồn lực và các phương thức để đưa một nền kinh tế kém phát triển thành một nền kinh tế phát triển. Môn học này là một chuyên ngành của kinh tế học ứng dụng nghiên cứu các đặc trưng kinh tế xã hội điển hình của một nền kinh tế kém phát triển từ quan điểm về nỗ lực của các hộ gia đình cũng như doanh nghiệp. Môn học này không những trang bị các lý thuyết về phát triển mà còn mang tính ứng dụng thực tế phát triển kinh tế các nước, các ngành và lĩnh vực phát triển kinh tế. Thông qua việc sử dụng các phương pháp của kinh tế học vi mô, các phương pháp toán học, tối ưu hóa và kết hợp giữa các phương pháp định lượng và định tính cũng như việc phát triển kết hợp các chiến lược về chính trị và xã hội, môn học này sẽ giúp các nhà quản trị xây dựng các kế hoạch về phát triển tại các nước thế giới thứ ba.

### **EM7221 Development Economics**

Development economics is a science theories, models, resources and methods to improve less developing economy to developed economy. This course is one of majors of economics specialized in the research applications of socio-economic characteristics of a typical underdeveloped economy from the perspective of the efforts of households and businesses. This course is not only equipped with theories of development but also offers practical applicability of economic development of countries, sectors and areas of economic development. Through the use of the method of micro-economics, mathematical methods, optimization methods, combining qualitative and quantitative development, as well as the strategic combination of political and social, this course will help managers develop plans for development in third world countries

### **EM7131 Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững**

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các kinh tế năng lượng, phát triển hệ thống năng lượng từ quan điểm phát triển bền vững. Nội dung của môn học tập trung làm rõ quan điểm phát triển bền vững với việc cân bằng và làm hài hoà đồng thời ba nội dung của sự phát triển bao gồm: phát triển kinh tế - khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường. Từ đó, các vấn đề về phát triển hệ thống năng lượng sẽ được xem xét thông qua cách tiếp cận “phát triển bền vững”.

### **EM7131 Issues of Energy and Sustainable Development**

This course is to provide the specialized knowledge of theoretical and empirical issues about energy economics and energy system development from the viewpoint of sustainable development. The content this course focuses on the development sustainable concept with the balance and harmony while the trio factors of development: Economic Development; Natural resources exploitation and utilization; Global Climate change and Environmental protection. So, the energy system development will be studied by this new approach of sustainable development.

### **EM7241 Kinh tế học lao động**

Mục tiêu của học phần này nhằm cung cấp học viên những phân tích kinh tế tổng quan về kinh tế học lao động. Học viên sẽ nắm bắt được những cách thức làm thế nào để các doanh nghiệp đưa ra các quyết định liên quan đến nhu cầu của họ về người lao động, người lao động quyết định như thế nào về việc làm của họ và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định về lương và các chế độ phúc lợi. Học phần này cũng sẽ nghiên cứu về lịch sử xu thế thị trường lao động và những vấn đề ảnh hưởng đến thị trường như sự thay đổi về nhân khẩu học, sự phân biệt đối xử và vai trò của các tổ chức công đoàn. Thông qua học phần này, chúng ta cũng sẽ nắm bắt những ảnh hưởng của các chính sách công (như lương tối thiểu, cơ hội việc làm thay thế, và chính sách trợ cấp thất nghiệp) tác động đến thị trường lao động.

### **EM7241 Labour Economics**

The objective of this course is to provide you with an introduction to the broad field of labor economics. You will become familiar with models of how firms make decisions about their need for workers, how workers make labor supply decisions, and how wages and other benefits are determined. We will also discuss historical labor market trends and other important issues that affect the labor market such as immigration, discrimination, and unions. Throughout the course, we will investigate the effects of relevant public policies (such as minimum wage, employment subsidies, and unemployment insurance) on the labor market.

### **EM7251 Kinh tế học tiền tệ**

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức chuyên sâu của kinh tế học dưới góc độ tiền tệ, có liên quan đặc biệt tới hoạt động của hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính, tới chính sách tiền tệ và quản lý nhà nước đối với thị trường tài chính.

### **EM7251 Monetary Economics**

This course aims to provide indeep knowledge of economics theories in term of monetary economics in the relationship with banking system, financial marrket, and government policies such as monetary policies and financial market policies.

### **EM7261 Kinh tế tri thức**

Học phần là sự mở rộng của kinh tế học ở môi trường kinh tế hiện đại, trong đó tri thức đóng vai trò là một yếu tố sản xuất quan trọng tạo ra của cải cho nền kinh tế. Các khía cạnh then chốt của học phần bao gồm: (1) Môi trường kinh doanh hiện đại; (2) Hệ tiêu chí phản ảnh nền kinh tế tri thức; (3) Hệ thống đổi mới và quản trị sáng tạo; (4) Phát triển nhân lực (HRD) và quản trị người tài; (5) Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất-kỹ thuật cho phát triển, trong đó chú trọng thỏa đáng về Cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin truyền thông (ICT) theo yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Học phần yêu cầu NCS phải tổng hợp được những lý thuyết khoa học và thực tiễn kinh doanh về nền kinh tế tri thức, các ảnh hưởng của tri thức tới sự phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người và sự thịnh vượng bền vững của đất nước.

## **EM7261 Knowledge Economy**

The course is an extension of economics in a modern economic environment, in which knowledge plays the role of an important production factor to create economic wealth. Key elements of the course are: (1) modern business environment; (2) indicators of a knowledge economy; (3) innovation and creativity management system; (4) human resource and talent management; (5) infrastructure for economy development, in which information-communication technology must be paid attention adequately based on the requirements of a knowledge economy. The course requires doctoral students to synthesize scientific theories and business practices on knowledge economies, the influences of knowledge on economic development, human quality of life, and a country's sustainable prosperity.

### **7.3.3. Kế hoạch học tập các học phần Tiến sĩ**

Các học phần Tiến sĩ được thực hiện linh hoạt, tùy theo các điều kiện thời gian cụ thể của giảng viên. Tuy nhiên, nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần Tiến sĩ trong vòng 24 tháng kể từ ngày chính thức nhập trường.

## **7.4. Chuyên đề Tiến sĩ**

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ, có thể tùy chọn từ danh sách hướng chuyên sâu tự chọn. Mỗi hướng chuyên sâu đều có người hướng dẫn do Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành của Viện Kinh tế và quản lý xác định.

Người hướng dẫn khoa học luận án của nghiên cứu sinh sẽ đề xuất đề tài cụ thể. Ưu tiên đề xuất đề tài gắn liền, thiết thực với đề tài của luận án Tiến sĩ.

Sau khi đã có đề tài cụ thể, NCS thực hiện đề tài đó dưới sự hướng dẫn khoa học của người hướng dẫn chuyên đề.

Danh mục hướng chuyên sâu cho Chuyên đề Tiến sĩ

TT	MÃ SỐ	HƯỚNG CHUYÊN SÂU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN	TÍN CHỈ
1	<b>EM7300</b>	Tổng quan về kinh tế học đương đại	1. PGS. Nguyễn Ái Đoàn 2. TS. Bùi Xuân Hồi 3. TS. Nguyễn Đại Thắng	2
2	<b>EM7311</b>	Kinh tế năng lượng	1. PTS. Trần Văn Bình 2. TS. Phạm Thị Thu Hà	2
3	<b>EM7321</b>	Lịch sử phát triển kinh tế học	1. PGS. Nguyễn Ái Đoàn 2. TS. Nguyễn Đại Thắng	2
4	<b>EM7331</b>	Kinh tế lượng	1. TS. Phạm Cảnh Huy 2. TS. Phan Diệu Hương	2
5	<b>EM7341</b>	Kinh tế lao động	1. GS. Đỗ Văn Phúc 2. TS. Nguyễn Danh Nguyên 3. TS. Cao Tô Linh	2
6	<b>EM7351</b>	Kinh tế môi trường	1. TS. Phạm Thị Thu Hà	2

			2. TS. Bùi Xuân Hồi	
7	<b>EM7361</b>	Kinh tế tri thức	1. PGS. Nguyễn Văn Thanh 2. TS. Phạm Thị Thanh Hồng 3. TS. Phạm Thị Kim Ngọc	2

## 8. Danh sách Tạp chí / Hội nghị khoa học

Nghiên cứu sinh có thể công bố các kết quả nghiên cứu phục vụ cho luận án tiến sĩ trên các tạp chí khoa học hoặc hội nghị khoa học về kinh tế và quản trị kinh doanh. Các bài báo của nghiên cứu sinh phải có tên và nội dung gắn với tên đề tài của luận án tiến sĩ.

Danh sách các tạp chí và hội nghị khoa học được chấp nhận là danh sách các tạp chí và hội nghị khoa học về kinh tế và quản trị kinh doanh mà được Hội đồng Giáo sư Nhà nước phê duyệt và áp dụng cho thời điểm mà NCS đăng công trình. Cho đến Tháng 5/2010, thì đó là danh sách 47 tạp chí và hội nghị khoa học mà được ban hành kèm theo Quyết định **207/QĐ-HĐCDGSNN**, ngày 19/8/2009, của Hội đồng Giáo sư Nhà nước, áp dụng cho lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Bảng dưới đây thể hiện danh sách đó.

<b>Số TT</b>	<b>TÊN TẠP CHÍ</b>	<b>CƠ QUAN XUẤT BẢN</b>	<b>Định kỳ xuất bản</b>
1	Các tạp chí khoa học nước ngoài cấp quốc gia và quốc tế viết bằng một trong các thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Tây Ban Nha.		Hàng tháng hoặc hàng quý
2	Các tạp chí khoa học về chủ đề kinh tế, quản lý và kinh doanh của các trường đại học nước ngoài khác		Hàng tháng hoặc hàng quý
3	Nghiên cứu Kinh tế	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
4	Kinh tế và phát triển	ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội	Hàng tháng
5	Phát triển kinh tế	ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Hàng tháng
6	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế thế giới)	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
7	Khoa học Thương mại	ĐH Thương mại	Hàng tháng
8	Kinh tế đối ngoại	ĐH Ngoại thương	Hàng tháng
9	Nghiên cứu Tài chính - Kế toán	Học viện Tài chính	Hàng tháng

10	Công nghệ Ngân hàng (chỉ tính đối với các bài Nghiên cứu khoa học)	ĐH Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Hàng tháng
11	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học Quốc gia và Quốc tế có chủ đề về kinh tế-quản lý và kinh doanh được đăng toàn văn trong kỷ yếu.		Hàng tháng
12	Quản lý Nhà nước	Học viện Hành chính Quốc gia	Hàng tháng
13	Khoa học và Đào tạo ngân hàng	Học viện Ngân hàng	Hàng tháng
14	Kế toán	Hội Kế toán Việt Nam	Hàng tháng
15	Cộng sản	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	Hàng tháng
16	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học kinh tế, quản lý và kinh doanh của các trường ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, ĐH Thái Nguyên, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế và các trường ĐH khác (nếu có)		
17	Kinh tế - Dự báo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng tháng
18	Ngân hàng (tên cũ: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Thông tin Khoa học Ngân hàng)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hàng tháng
19	Economic Development	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
20	Nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
21	Kiểm toán	Kiểm toán Nhà nước	Hàng tháng
22	Thương mại	Bộ Công thương	Hàng tháng
23	Tài chính	Bộ Tài chính	Hàng tháng
24	Công nghiệp	Bộ Công nghiệp	Hàng tháng
25	Thị trường Tài chính tiền tệ	Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam	Hàng tháng
26	Thuế Nhà nước	Tổng cục Thuế	Hàng tháng
27	Vietnam Banking Review	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hàng tháng
28	Vietnam Economic Review	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng

29	Thống kê (con số và sự kiện)	Tổng cục Thống kê	Hàng tháng
30	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tên cũ: Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp; Khoa học Nông nghiệp và công nghệ thực phẩm; Nông lâm; Thủy lợi; Kinh tế Nông nghiệp)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng tháng
31	Du lịch Việt Nam	Tổng cục Du lịch	Hàng tháng
32	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Hàng tháng
33	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính	Hàng tháng
34	Lao động xã hội	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Hàng tháng
35	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
36	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản; Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á)	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
37	Châu Mỹ ngày nay	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
38	Giáo dục lý luận	Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Đà Nẵng	Hàng tháng
39	Lý luận Chính trị	Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	Hàng tháng
40	Dệt may và Thời trang Việt Nam	Tổng công ty Dệt-May Việt Nam	Hàng tháng
41	Hoạt động khoa học	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hàng tháng
42	Nghiên cứu Châu Âu	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
43	Nghiên cứu Quốc tế	Học viện Quan hệ Quốc tế	Hàng tháng
44	Nghiên cứu Trung Quốc	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Hàng tháng
45	Khoa học Chính trị (chỉ tính những bài có đủ các nội dung Nghiên cứu khoa học)	Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện TP.Hồ Chí Minh	Hàng tháng
46	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	Hàng tháng

47	Quản lý Kinh tế	Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung ương	Hàng tháng
----	-----------------	---------------------------------------	------------

## PHẦN II

# **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

## 9 Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo

### 9.1 Danh mục học phần bổ sung

Danh mục học phần bổ sung có thể xem chi tiết trong quyển “Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh”.

### 9.2 Danh mục học phần Tiến sĩ

Số TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÊN TIẾNG ANH	KHỐI LƯỢNG	Khoa/Viện Bộ môn	Đánh giá
1	EM7010	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh	Research Methods in Economics and Business Studies	3(3-0-0-6)	Bộ môn QTKD và KTH	KT0,3-T0,7
2	EM7200	Các lý thuyết kinh tế học hiện đại	Modern Economics Theories	3(2-0-2-6)	Bộ môn KTH	KT0,3-T0,7
3	EM7211	Lý thuyết Giá	Price Theory	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTH và KTNL	KT0,3-T0,7
4	EM7221	Kinh tế học phát triển	Development Economics	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTH và QLCN	KT0,3-T0,7
5	EM7131	Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững	Issues of Energy and Sustainable Development	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTNL	KT0,3-T0,7
6	EM7241	Kinh tế học lao động	Labour Economics	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTH và QLCN	KT0,3-T0,7
7	EM7251	Kinh tế học tiền tệ	Monetary Economics	3(3-0-0-6)	Bộ môn KTH và QLTC	KT0,3-T0,7
8	EM7261	Kinh tế tri thức	Knowledge Economy	3(2-2-0-6)	Bộ môn QTKD và QLCN	KT0,4-T0,6

## 10 Đề cương chi tiết các học phần Tiến sĩ

### EM7010 Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh Research Methods in Economics and Business Studies

- Tên học phần:** Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh
- Mã học phần:** EM7010
- Tên tiếng Anh:** Research Methods in Economics and Business Studies
- Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
  - Lý thuyết: 45 tiết
  - Bài tập:
  - Thực hành trên máy:

**5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh Tế Công Nghiệp và Kinh tế học

**6. Mục tiêu của học phần:** Kết thúc học phần này NCS sẽ có khả năng:

- Hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu
- Biết cách lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu
- Biết cách thiết kế và triển khai một nghiên cứu
- Biết trình phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu

**7. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức lý thuyết về quá trình nghiên cứu trong khoa học kinh tế, các loại hình và phương pháp nghiên cứu, phương pháp xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu, lấy mẫu, đo lường và thang đo nghiên cứu, thiết kế bản câu hỏi, các phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

**8. Nhiệm vụ của NCS:**

- Dự lớp: 100%
- Bài tập: Bài tập cá nhân và bài tập nhóm
- Thí nghiệm: không

**9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Đánh giá quá trình: 30%
  - Tham gia dự giờ trên lớp học
  - Hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm
- Thi kết thúc học phần: 70%

**10. Nội dung chi tiết học phần:**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

**CHƯƠNG 1: Tổng quan về nghiên cứu khoa học**

- 1.1 Các khái niệm cơ bản
- 1.2 Phân loại nghiên cứu khoa học
- 1.3 Tiêu chí đánh giá một nghiên cứu
- 1.4 Phương pháp nghiên cứu khoa học
- 1.5 Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu
- 1.6 Kết quả của một cuộc nghiên cứu khoa học

**CHƯƠNG 2: Xác định vấn đề nghiên cứu**

- 2.1 Lựa chọn đề tài

- 2.2 Giới hạn đề tài
- 2.3 Soạn thảo đề cương chi tiết
- 2.4 Định hướng nghiên cứu

### **CHƯƠNG 3: Lập kế hoạch nghiên cứu**

- 3.1 Mô hình nghiên cứu
- 3.2 Phương pháp nghiên cứu
- 3.3 Đối tượng nghiên cứu

### **CHƯƠNG 4: Xây dựng thang đo**

- 4.1 Số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp
- 4.2 Đo lường là gì?
- 4.3 Các loại thang đo
- 4.4 Đánh giá thang đo
- 4.5 Đo lường thái độ

### **CHƯƠNG 5: Các phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp**

- 5.1 Các phương pháp chọn mẫu
- 5.2 Các phương pháp giao tiếp trong điều tra

### **CHƯƠNG 6: Phân tích dữ liệu**

- 6.1 Phân tích định tính
- 6.2 Phân tích định lượng

### **CHƯƠNG 7: Trình bày kết quả nghiên cứu**

- 7.1 Kết cấu một báo cáo nghiên cứu
- 7.2 Cách viết tài liệu tham khảo
- 7.3 Phổ biến kết quả nghiên cứu

**11. Tài liệu học tập:** (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

**12. Tài liệu tham khảo:**

- [1] Marczyk, G., DeMatteo, D., and Festinger, D., 2005. *Essentials of Research Design and Methodology*. John Wiley & Sons.
- [2] Neil J. Salkind 2006. *Exploring Research*, Pearson Education International
- [3] Yin, R. K. (2003) *Case Study Research: Design and Methods*, 3<sup>rd</sup> Ed. (London etc.: SAGE Publications).
- [4] Cooper, D. R., and Schindler, P., 2001. *Business Research Methods*, 7<sup>th</sup> Ed. The McGraw-Hill Companies, Inc.
- [5] Nguyễn Thị Cảnh, Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế. TP.HCM: NXB ĐHQG TP.HCM, 2004.
- [6] Nguyễn Xuân Nghĩa, Phương pháp và Kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội. TP.HCM: NXB Trẻ, 2004.

- [7] Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Hà Nội: NXB KHKT, lần thứ 8, 2003.
- [8] Trần Anh Tuấn - Phạm Thị Lệ Hương, *Phương pháp thực hiện khảo luận*. Sài Gòn, 1975.
- [9] TS. Nhật Từ, *Cẩm nang viết khảo luận, luận văn, luận án*. TP.HCM: NXB Tp.HCM, 2003.
- [10] Nguyễn Tấn Phước, *Phương pháp thực hiện luận văn tốt nghiệp, tiểu luận, báo cáo thực tập*. Đồng Nai: NXB Đồng Nai, 1999.
- [11] Nguyễn Minh Hiệp – Lê Ngọc Oánh, Dương Thúy Hương, *Tổng quan Khoa học Thông tin và Thư Viện*. TP.HCM: NXB ĐHQG TP.HCM, 2001.
- [12] Các tài liệu, giáo trình môn học Lý thuyết Thống Kê.

**EM7200 Các lý thuyết kinh tế học hiện đại**  
**Modern Economics Theories**

- 1. Tên học phần:** Các lý thuyết kinh tế học hiện đại
- 2. Mã học phần:** EM7200
- 3. Tên tiếng Anh:** Modern Economics Theories
- 4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)
  - Lý thuyết: 45 tiết
  - Bài tập:
- 5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học
- 6. Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:
  - Các kiến thức nâng cao về lý luận chuyên ngành kinh tế học theo một số chủ đề mang tính thời sự được lựa chọn
  - Rèn luyện khả năng tư duy kinh tế học
  - Rèn luyện kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế
- 7. Nội dung tóm tắt:** Học phần đề cập đến một số chủ đề quan trọng trong kinh tế học hiện đại, gắn với các vấn đề thực tế mang tính thời sự như chống độc quyền, thúc đẩy cạnh tranh, hoàn thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích tiết kiệm, đầu tư, ổn định giá cả, tỷ giá,... nhằm đảm bảo tăng trưởng nhanh và bền vững.
- 8. Nhiệm vụ của NCS:**
  - Dự lớp: Theo yêu cầu
  - Bài tập: Nghiên cứu, tóm tắt các tài liệu được giao từ các sách, tạp chí; Ứng dụng phân tích các vấn đề thực tế theo chủ đề
- 9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm theo quy định đối với Cao học)
  - Mức độ dự giờ giảng: 10%
  - Kiểm tra định kỳ: 20%
  - Thi kết thúc học phần: 70%

**10. Nội dung chi tiết học phần:**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

**CHƯƠNG 1: CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH**

- 1.1. Cơ cấu thị trường
- 1.2. Tính hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- 1.3. Sức mạnh thị trường: độc quyền bán và độc quyền mua
- 1.4. Định giá trong điều kiện có sức mạnh thị trường
- 1.5. Can thiệp của chính phủ hạn chế tác động của độc quyền
- 1.6. Lý thuyết trò chơi và chiến lược cạnh tranh
- 1.7. Các thị trường yếu tố đầu vào

## **CHƯƠNG 2: THÔNG TIN, KHUYẾT TẬT THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH**

- 2.1. Cân bằng tổng thể và hiệu quả kinh tế
- 2.2. Thị trường với các thông tin không tương xứng
- 2.3. Các ngoại ứng và hàng hoá công cộng

## **CHƯƠNG 3: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG DÀI HẠN**

- 3.1. Các nhân tố của tăng trưởng kinh tế
- 3.2. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế
- 3.3. Tiết kiệm, đầu tư và tăng trưởng kinh tế
- 3.4. Môi trường kinh doanh và tăng trưởng kinh tế

## **CHƯƠNG 4: CHU KỲ KINH DOANH VÀ CHÓNG CHU KỲ**

- 4.1. Đặc điểm của chu kỳ kinh doanh
- 4.2. Các lý thuyết về chu kỳ kinh doanh
- 4.3. Mô hình gia tốc-số nhân
- 4.4. Lý thuyết chu kỳ kinh doanh thực tế
- 4.5. Chính sách tài chính tiền tệ và quản lý chu kỳ kinh doanh

## **CHƯƠNG 5: ỔN ĐỊNH GIÁ CẢ**

- 5.1. Bản chất và các tác động của lạm phát
- 5.2. Các lý thuyết hiện đại về lạm phát
- 5.3. Cung tiền, chính sách tiền tệ và lạm phát
- 5.4. Quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp
- 5.5. Cuộc chiến về nguyên nhân lạm phát ở Việt Nam
- 5.6. Chống lạm phát ở Việt Nam

## **CHƯƠNG 6: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI**

- 6.1. Cơ sở kinh tế của thương mại quốc tế
- 6.2. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái
- 6.3. Tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán
- 6.4. Chính sách tỷ giá hối đoái
- 6.5. Ứng dụng phân tích chính sách tỷ giá hối đoái ở Việt Nam

**11. Tài liệu học tập:**

- Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus. (1997) *Kinh tế học*. NXB Chính trị quốc gia
- Robert S. Pindyck, Danje L. Rubinfeld. (1999) *Kinh tế học vi mô*. NXB Thống kê

**12. Tài liệu tham khảo:**

- [1] Nguyễn Ái Đoàn (2010) *Giáo trình kinh tế học vĩ mô*. NXB Bách khoa- Hà Nội
- [2] Nguyễn Đại Thắng (2007) *Giáo trình Kinh tế học vi mô*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [3] Robert C. Guell. (2008) *Những chủ đề kinh tế học hiện đại*. NXB Đồng Nai
- [4] N. Gregory Mankiw. (1997) *Kinh tế học vĩ mô*. NXB. Thống kê.
- [5] Robert J. Gordon, *Kinh tế học vĩ mô* (1994) NXB Khoa học và Kỹ thuật.

## **EM7211 Lý thuyết giá**

### **Price Theory**

1. **Tên học phần:** Lý thuyết giá

2. **Mã học phần:** EM7211

3. **Tên tiếng Anh:** Price Theory

4. **Khối lượng:** 3 (3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. **Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học và các chuyên ngành có liên quan

6. **Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức tổng hợp chuyên sâu về lý thuyết giá trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp cơ bản về định giá, sự hình thành của giá cả theo đặc trưng về cấu trúc và đặc trưng của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ

- Cho phép thực hiện các phân tích chuyên sâu ứng dụng đối với động thái của giá các hàng hoá điển hình.

### **7. Nội dung tóm tắt:**

Môn học hệ thống hoá các vấn đề lý thuyết về giá cả, các cách tiếp cận nghiên cứu, các phương pháp định giá, cơ chế hình thành và dao động của giá cả theo thời gian và theo các cấu trúc thị trường khác nhau: thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền, độc quyền nhóm. Trên cơ sở đó, lý thuyết giá cung cấp các nền tảng cho phép thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về động thái của giá cả, cơ chế hình thành giá cả trên các thị trường trong nước và quốc tế điển hình như thị trường dầu mỏ, thị trường các yếu tố đầu vào.

### **8. Nhiệm vụ của NCS:**

- Dự lớp: 100%

- Bài tập: tham dự đầy đủ và tích cực làm bài

- Thí nghiệm:

9. **Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%

- Kiểm tra định kỳ: 20%

- Thi kết thúc học phần: 70%

### **10. Nội dung chi tiết học phần:**

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

## **CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT CƠ BẢN VỀ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

- 1.1. Lý thuyết cơ bản về chi phí
- 1.2. Giá thành sản phẩm và dịch vụ
- 1.3. Các phương pháp định giá sản phẩm
- 1.4. Giá đối với sản phẩm đặc thù: áp dụng cho sản phẩm năng lượng

## **CHƯƠNG 2: CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA GIÁ CẢ**

- 2.1. Quyết định của doanh nghiệp về mức sản lượng và mức giá
- 2.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo và giá trong thị trường cạnh tranh
- 2.3. Thị trường cạnh tranh độc quyền: Sự khác biệt của sản phẩm và hệ số giá
- 2.4. Thị trường độc quyền thuần túy: quyền lực độc quyền và chiến lược giá
- 2.5. Thị trường độc quyền nhóm: Lý thuyết trò chơi và bài toán nghịch lý nhà tù cho chiến lược giá

## **CHƯƠNG 3: CHÍNH SÁCH GIÁ VÀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC**

- 3.1. Sự cần thiết xây dựng chính sách giá cả trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp
- 3.2. Dao động của giá cả và các tác động của nó
- 3.3. Giá trần và giá sàn trong kiểm soát giá cả
- 3.4. Vai trò của nhà nước trong hình thành quản lý thực hiện chính sách giá

## **CHƯƠNG 4: VẬN DỤNG THỰC TIỄN LÝ THUYẾT GIÁ: NGHIÊN CỨU CHO CÁC SẢN PHẨM NĂNG LƯỢNG**

- 4.1. Chuyên đề về giá dầu mỏ
  - 4.1.1 Các đặc trưng kinh tế kỹ thuật của công nghiệp dầu mỏ
  - 4.1.2 Khái quát về thị trường dầu mỏ quốc tế
  - 4.1.3 Các hệ thống giá dầu mỏ quốc tế
  - 4.1.4 Cơ chế định giá dầu mỏ quốc tế trong ngắn hạn
  - 4.1.5 Cơ chế định giá dầu mỏ quốc tế trong trung và dài hạn
  - 4.1.6 Giá quốc tế các sản phẩm dầu mỏ
  - 4.1.7 Thị trường và cơ chế định giá dầu mỏ Việt nam
- 4.2. Chuyên đề về giá điện
  - 4.2.1 Đặc điểm của các hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng
  - 4.2.2 Các vấn đề về chi phí sản xuất của HTĐ
  - 4.2.3 Các nguyên tắc định giá bán điện
  - 4.2.4 Các phương pháp định giá bán điện
  - 4.2.5 Các biểu giá bán điện
  - 4.2.6 Chính sách và khung biểu giá điện hiện hành ở Việt nam

**11. Tài liệu học tập:** (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

**12. Tài liệu tham khảo:**

- [1] AMUNDSEN E.S. [1992]: « Théorie des ressources épuisable et rente pétrolière », Paris, Edition Economica
- [2] Bùi Xuân Hôi [2008]: Giáo trình lý thuyết giá năng lượng, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2008.
- [3] Nguyễn Đại Thắng [2006]: Kinh tế học vi mô, NXB Bách Khoa, 2006
- [4] PERCEBOIS J. (sous la direction de) [1997] : « Energie et théorie économique », Paris, Editions Cujas.
- [5] PERCEBOIS J. [1989] : « *Economie de l'énergie* », Bibliothèque des Matières Premières, Economica.
- [6] PERCEBOIS J. [1999] : « L'apport de la théorie économique aux débats énergétiques », in *Revue de l'Energie* n°509, pp. 473-488.

**EM7221      Kinh tế học phát triển**  
**Development Economics**

- 1. Tên học phần:**      Kinh tế học phát triển  
**2. Mã học phần:**      EM7221  
**3. Tên tiếng Anh:**      Development Economics  
**4. Khối lượng:**      3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết
- Bài tập:
- Thí nghiệm:

**5. Đối tượng tham dự:**      Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học

**6. Mục tiêu của học phần:**      Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về lý luận chuyên ngành Kinh tế học, lý thuyết về phát triển của các nước thứ ba, ứng dụng để nghiên cứu sự phát triển của nền kinh tế tại Việt nam;
- Nâng cao các kỹ năng về lập kế hoạch, xây dựng chiến lược, phân tích và nghiên cứu ứng dụng phát triển kinh tế tại Việt nam và các nước thế giới thứ ba;
- Trang bị và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương pháp của kinh tế vi mô, toán học, định lượng và định tính trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tại Việt nam và các nước thứ ba.

**7. Nội dung tóm tắt:**

Kinh tế học phát triển là một khoa học nghiên cứu các lý thuyết, mô hình, nguồn lực và các phương thức để đưa một nền kinh tế kém phát triển thành một nền kinh tế phát triển. Môn học này là một chuyên ngành của kinh tế học ứng dụng nghiên cứu các đặc trưng kinh tế xã hội điển hình của một nền kinh tế kém phát triển từ quan điểm về nỗ lực của các hộ gia đình cũng như doanh nghiệp. Môn học này không những trang bị các lý thuyết về phát triển mà còn mang tính ứng dụng thực tế phát triển kinh tế các nước, các ngành và lĩnh vực phát triển kinh tế. Thông qua việc sử dụng các phương pháp của kinh tế học vi mô, các phương pháp toán học, tối ưu hóa và kết hợp giữa các phương pháp định lượng và định tính cũng như việc phát triển kết hợp các chiến lược về chính trị và xã hội, môn học này sẽ giúp các nhà quản trị xây dựng các kế hoạch về phát triển tại các nước thế giới thứ ba.

**8. Nhiệm vụ của NCS:**

- Dự lớp: tham dự đầy đủ các buổi giảng dạy của giảng viên
- Bài tập: thực hiện các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, nghiên cứu các bài tập tình huống theo nhóm và trình bày nhóm
- Thí nghiệm:

**9. Đánh giá kết quả:**      (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ:      30%

- Thi kết thúc học phần: 50%

## **10. Nội dung chi tiết học phần:**

### **PHẦN MỞ ĐẦU**

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

### **CHƯƠNG 1: CÁC MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

- 1.1 Các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế trong lịch sử
- 1.2 Ứng dụng các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với một số nước đang phát triển: Đông Á, Nam Á, châu Phi, Trung Đông, Mỹ La Tinh.

### **CHƯƠNG 2: DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN**

- 2.1 Nghiên cứu mối quan hệ của tăng trưởng dân số với phát triển
- 2.2 Nghiên cứu tình hình lao động ở các nước kém phát triển

### **CHƯƠNG 3: NGUỒN VỐN VỚI PHÁT TRIỂN – ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN**

- 3.1 Đánh giá hiệu quả của đầu tư trực tiếp nước ngoài và các tập đoàn đa quốc gia (MNC)
- 3.2 Đánh giá hiệu quả của tài trợ nước ngoài

### **CHƯƠNG 4: NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN**

- 4.1 Thực trạng ngoại thương của các nước kém phát triển (LDC)
- 4.2 Nghiên cứu các chiến lược phát triển dựa vào ngoại thương

### **CHƯƠNG 5: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀ NỢ NƯỚC NGOÀI**

- 5.1 Thực trạng của cán cân thanh toán quốc tế của LDC
- 5.2 Nghiên cứu tình hình khủng hoảng nợ của LDC

**11. Tài liệu học tập:** (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

### **12. Tài liệu tham khảo:**

- [1] Ray, D. (2011) *Development Economics*. Princeton University Press
- [2] WTO: [www.wto.org](http://www.wto.org) (<http://www.wto.org/>)
- [3] FAO: [www.fao.org](http://www.fao.org) (<http://www.fao.org/>)
- [4] UNIDO: [www.unido.org](http://www.unido.org) (<http://www.unido.org/>)

## **EM7131 Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững** **Issues of Energy and Sustainable Development**

1. **Tên học phần:** Các vấn đề về năng lượng và phát triển bền vững

2. **Mã học phần:** EM7131

3. **Tên tiếng Anh:** Issues of Energy and Sustainable Development

4. **Khối lượng:** 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thí nghiệm:

5. **Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành kinh tế công nghiệp

6. **Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức nâng cao về lý luận chuyên ngành năng lượng có tính đến vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững
- Rèn luyện khả năng nghiên cứu
- Cách tiếp cận tổng hợp: nghiên cứu xem xét vấn đề phát triển trong tổng thể phát triển hài hòa kinh tế xã hội và môi trường

### **7. Nội dung tóm tắt:**

Môn học này cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các kinh tế năng lượng, phát triển hệ thống năng lượng từ các quan điểm ra quyết định khác nhau từ cách tiếp cận truyền thống đến tiếp cận phát triển bền vững.

Nội dung của môn học tập trung làm rõ mối quan hệ tương tác giữa năng lượng, phát triển kinh tế và vấn đề bảo vệ môi trường. Vấn đề xây dựng chính sách năng lượng theo các quan điểm khác nhau từ trường phái kinh tế không biên giới đến trường phái phát triển bền vững – Quan điểm phát triển với việc cân bằng và làm hài hoà đồng thời các mục tiêu của sự phát triển bao gồm: phát triển kinh tế - khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên – yếu tố công nghệ; biến đổi khí hậu toàn cầu và bảo vệ môi trường.

Từ đó, các vấn đề về phát triển hệ thống năng lượng sẽ được xem xét thông qua cách tiếp cận “phát triển bền vững”. Các quy hoạch và phát triển hệ thống năng lượng trên quan điểm này cần phải được nghiên cứu với các ràng buộc về kinh tế- xã hội – môi trường được xây dựng theo độ sâu của mô hình phát triển bền vững với việc đưa vào khái niệm tổng quan “carbon Value”.

### **8. Nhiệm vụ của NCS:**

- Dự lớp: 100%

- Bài tập: thực hiện đầy đủ

- Thí nghiệm:

### **9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%

- Kiểm tra định kỳ: 20%

- Thi kết thúc học phần và bài tập: 70%

## **10. Nội dung chi tiết học phần:**

### **PHẦN MỞ ĐẦU**

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

### **CHƯƠNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - NĂNG LƯỢNG – MÔI TRƯỜNG**

- 1.1 Phát triển kinh tế và nhu cầu sử dụng tài nguyên năng lượng
- 1.2 Sử dụng tài nguyên năng lượng và vấn đề phát thải ô nhiễm
- 1.3 Ô nhiễm môi trường và lý thuyết kinh tế môi trường: thuế Pigou, giải pháp thương thảo Coase và thị trường phát thải Dales để nội hóa chi phí ngoại ứng

### **CHƯƠNG 2: TRƯỜNG PHÁI KINH TẾ KHÔNG BIÊN GIỚI VÀ TÍNH CẤP THIẾT CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

- 2.1 Trường phái “Kinh tế không biên giới” và hệ lụy của nó
- 2.2 Biến đổi khí hậu-thương thảo quốc tế và nghị định thư Kyoto về giảm khí thải: Bài học về lựa chọn con đường phát triển.
- 2.3 Các vấn đề lý thuyết về phát triển bền vững và phát triển năng lượng bền vững: Sự giao thoa của các mục tiêu kinh tế - xã hội-môi trường – công nghệ của các chính sách năng lượng

### **CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT RA QUYẾT ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG: TỪ CỰC TIỂU CHI PHÍ ĐẾN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG.**

- 3.1 Tiếp cận truyền thống: cực tiêu chi phí kinh tế được hiện tại hóa (NPV)
- 3.2 Tiếp cận tối ưu hóa chi phí/lợi ích: nội hóa các phí ngoại ứng trong phát triển năng lượng
- 3.3 Tiếp cận chi phí/hiệu quả: Nguyên tắc hiệu quả về chi phí trong cho các mục tiêu phát triển năng lượng
- 3.4 Quan niệm “Giá trị carbon” trong các mô phỏng kinh tế về phát triển năng lượng bền vững.
- 3.5 Phát triển hệ thống năng lượng bền vững: mô phỏng với mô hình POLES

## **11. Tài liệu học tập:** (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

- [1] TS. Bùi Xuân Hôi [2010]: Tập bài giảng “*Năng lượng và phát triển bền vững*”
- [2] IAEA-UN (2005): *Energy Indicator for Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*, Vienna 2005
- [3] *Kinh tế năng lượng thế giới*, Jean - Marie Martin, Nguyễn Minh Huệ dịch, 1992, NXB Khoa học và kỹ thuật
- [4] *Giáo trình: Kinh tế năng lượng*: Phạm Thu Hà chủ biên. 2006, NXB Thống kê
- [5] *Giáo trình: Giá năng lượng*: TS Bùi Xuân Hôi 2008 NXB Đại học Bách Khoa

## 12. Tài liệu tham khảo:

- [1] Percebois J. (Pref Y. Mainguy). “ L’*économie de l’énergie*”. Economica. Coll. “*Bibliothèque des matières premières*” Paris, 1989
- [2] PennWell Corporation, Oil & Gas Journal, Vol.100, No 52 ( December 23,2002).
- [3] Internet “Oil & Gas Journal January 1, 2003”.
- [4] A. Gireaud, “*Geopolitique du charbon*”, Paris IX, 1983
- [5] *Nghiên cứu lộ trình hình thành và phát triển thị trường năng lượng Việt Nam*. Chủ nhiệm đề tài : GS. VS Trần Đình Long
- [6] TS Nguyễn Cảnh Nam (2003), *Sự hình thành và phát triển thị trường than Việt Nam*, Hà Nội.
- [7] PGS. Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Xuân Định, Phạm Ngọc Giản các cộng sự, *Xây dựng chính sách và hình thành giá khí Việt Nam*
- [8] PGS. Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Xuân Định, Phạm Ngọc Giản các cộng sự, *Xây dựng chính sách và hình thành giá khí Việt Nam*
- [9] PGS. Trần Ngọc Toàn, Nguyễn Xuân Định, Phạm Ngọc Giản các cộng sự, *Xây dựng chính sách và hình thành giá dầu Việt Nam*
- [10] Bộ Công nghiệp (2002) *Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2003 -2010 có xét tới triển vọng đến năm 2020*, Hà Nội
- [11] Bộ Công nghiệp (2008) *Tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2010-2020 có xét tới triển vọng đến năm 2025*, Hà Nội
- [12] Maddison A (1989): *L’économie mondiale au 20<sup>e</sup> siècle*, OCDE Editions Paris, 1989.
- [13] Maynat L.T (1999): *Le coût externe lié à la production et à la consommation d’électricité*, thèse pour le doctorat en Sciences économiques, Université Montesquieu-Bordeaux IV, 1999.
- [14] Perthuis C. (2007): *Prix du carbone et choix énergétiques*, in *Liaison Énergie-Francophonie*, no 74, 2007.
- [15] IAEA-UN (2007): *Energy Indicator for Sustainable Development, Country Studies on Brazil, Cuba, Lithuania, Mexico, Russian Federation, Slovakia and Thailand*, IAEA-UN 2007.
- [16] IAEA-UN (2005): *Energy Indicator for Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*, Vienna 2005
- [17] CCE (1992): *Vers un développement soutenable: Programme communautaire de politique et d’action pour l’environnement et le développement durable et respectueux de l’environnement*, Volume 2, Commission des Communautés Européennes, Bruxelles.
- [18] Shukla P.R. (1995): *Greenhouse gas models and abatement costs for developing nations: a critical assessment*, in *Energy Policy*, Vol. 23, No8, 1995.
- [19] Colby M.E. (1991): *Environmental management in development: The evolution of paradigms*, in *Ecological Economics*, no 3, pp. 193-213.

- [20] Faucheux S., Laroui F., Velthuijsen J.W. (1993): Energy, Economy and Environment: Traditional models and alternative approaches, SEO Research, Foundation for Economic Research of the University of Amsterdam.
- [21] Pearce D. Atkinson G. Mourato S. (2006): Cost-Benefit Analysis and the Environment: Recent Developments, OECD 2006, vol. 2006.
- [22] EC DG XII (1995): Externalities of fuel cycles "ExternE" Project: Economic Valuation, Working document no 9, Metroeconomica, UK, 1995.
- [23] Blanchard O., Criqui P. (2000): La valeur du carbone: un concept générique pour les politiques de réduction des émissions, in *Économie Internationale*, la Revue du CEPII, no82, 2<sup>e</sup> trimestre 2000.
- [24] Bhattacharyya S.C. (1997): An estimation of environmental cost of coal-based thermal power generation in India, *International Journal of Energy Research* 21(3), 289-298
- [25] Shukla P.R. (1995): Greenhouse gas model and abatement costs for developing nations, in *Energy Policy*, Vol. 23, no8, pp. 677-687.
- [26] Pearce D.W. (2003) The social cost of carbon and its policy implications. *Oxford Review of Economic Policy* 19, pp. 362-384.
- [27] Watkiss P. (2005), "The Social Costs of Carbon (SCC) Review – Methodological Approaches for Using SCC Estimates in Policy Assessment", Department for Environment, Food and Rural Affairs, December 2005.
- [28] Centre d'Analyse Stratégique (2008): La valeur tutélaire du carbone, Rapports et documents, Juin 2008.
- [29] Tenenbaum B., Lock R. and Barker J. (1992): Electricity privatization: structural, competitive and regulation options, in *Energy Policy*, vol. 20, n°12.
- [30] Faucheux S. et Passet R (1995) : Quelle économie pour l'environnement? In *Revue Economie Appliquée*, XLVIII (2).
- [31] Criqui P., Kouvaritakis N., (2000) : World Energy Projections to 2030, in *International Journal of Global Energy Issues*, Vol. 14, n° 1-2-3-4, pp. 116-136.

**EM7241 Kinh tế học lao động**  
**Labour Economics**

**1. Tên học phần:** Kinh tế học lao động

**2. Mã học phần:** EM7241

**3. Tên tiếng Anh:** Labour Economic

**4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

- Thực hành trên máy:

**5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học và các ngành có liên quan

**6. Mục tiêu của học phần:** Kết thúc học phần này NCS sẽ có khả năng:

- Hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu kinh tế học lao động hiện nay

- Nắm bắt được những vấn đề nghiên cứu hiện nay trong lĩnh vực kinh tế học lao động

- Biết cách đặt vấn đề và xây dựng các hướng nghiên cứu chuyên sâu và thực tiễn liên quan đến kinh tế học lao động

- Biết trình phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế học lao động tại Việt Nam.

**7. Nội dung tóm tắt:**

Học phần này cung cấp cho học viên những phân tích kinh tế tổng quan về kinh tế học lao động. Học viên sẽ nắm bắt được những cách thức làm thế nào để các doanh nghiệp đưa ra các quyết định liên quan đến nhu cầu của họ về người lao động, người lao động quyết định như thế nào về việc làm của họ và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định về lương và các chế độ phúc lợi. Học phần này cũng sẽ nghiên cứu về lịch sử xu thế thị trường lao động và những vấn đề ảnh hưởng đến thị trường như sự thay đổi về nhân khẩu học, sự phân biệt đối xử và vai trò của các tổ chức công đoàn. Thông qua học phần này, chúng ta cũng sẽ nắm bắt những ảnh hưởng của các chính sách công (như lương tối thiểu, cơ hội việc làm thay thế, và chính sách trợ cấp thất nghiệp) tác động đến thị trường lao động.

**8. Nhiệm vụ của NCS:**

- Dự lớp: 100%

- Bài tập: Bài tập cá nhân và bài tập nhóm

- Thí nghiệm: không

**9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm giống như quy định đối với Cao học)

- Đánh giá quá trình: 30%

- Tham gia dự giờ trên lớp học

- Hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm

- Thi kết thúc học phần: 70%

## 10. Nội dung chi tiết học phần:

### PHẦN MỞ ĐẦU

- Giới thiệu môn học
- Giới thiệu đề cương môn học
- Giới thiệu tài liệu tham khảo

### CHƯƠNG 1: Tổng quan về Kinh tế học Lao động

- 1.1 Các khái niệm cơ bản và phạm vi nghiên cứu của kinh tế học lao động
- 1.2 Thị trường lao động
- 1.3 Các phương pháp nghiên cứu kinh tế học lao động

### CHƯƠNG 2: Cung lao động

- 2.1 Mô hình cung lao động tĩnh
- 2.2 Mô hình cung lao động từ hộ gia đình
- 2.3 Mô hình cung lao động động
- 2.4 Sự thiếu tương xứng giữa chất lượng và số lượng của cung lao động tại Việt Nam

### CHƯƠNG 3: Cầu lao động

- 3.1 Cầu lao động trên thị trường cạnh tranh và không cạnh tranh
- 3.2 Cầu lao động trong ngắn hạn và dài hạn
- 3.3 Tác động của giá lên cầu lao động

### CHƯƠNG 4: Lương cân bằng và quyết định việc làm

- 4.1 Cân bằng thị trường lao động, cạnh tranh và các định chế
- 4.2 Sự khác biệt về lương bổng trên các thị trường lao động
- 4.3 Lương tối thiểu và các quy định của nhà nước ảnh hưởng tới thị trường lao động
- 4.4 Thất nghiệp và quyết định việc làm
- 4.5 Công đoàn và thương lượng tập thể

### CHƯƠNG 5: Vốn con người, học vấn và việc làm

- 5.1 Đầu tư vốn con người và các vấn đề cơ bản
- 5.2 Mô hình cân bằng về đầu tư vốn con người
- 5.3 Học vấn và việc làm
- 5.4 Các vấn đề về vốn con người trên thị trường lao động toàn cầu và Việt Nam

**11. Tài liệu học tập:** (danh mục các giáo trình, nếu không có thì bỏ trống)

**12. Tài liệu tham khảo:**

- [1] George J. Borjas, *Kinh Tế Học Lao Động – Labor Economics*, Đại học Harvard, 2000 (đã dịch ra tiếng Việt).
- [2] Ronald G. Ehrenberg, Robert S. Smith (2008), *Modern Labor Economics: Theory and Public Policy*, Pearson Education.
- [3] Cahuc, Pierre and André Zylberberg (2004), *Labor Economics*, MIT press.
- [4] Gordon B. (2002), *An overview of labor markets worldwide: key trends and major policy issues*, World Bank.
- [5] Behrman, Jere R. (1999), *Labor markets in developing countries*, O. Ashenfelter & D. Card (ed.), *Handbook of Labor Economics*, chapter 43, pages 2859-2939, 1999.
- [6] Acemoglu, Daron (1999), *Why do New Technologies Complement Skills? Directed Technical Change and Wage Inequality*, *Quarterly Journal of Economics*, vol. 113, pp 1055-89.

**EM7251 Kinh tế học tiền tệ**  
**Monetary Economics**

**1. Tên học phần:** Kinh tế học tiền tệ

**2. Mã học phần:** EM7251

**3. Tên tiếng Anh:** Monetary Economics

**4. Khối lượng:** 3(3-0-0-6)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Bài tập:

**5. Đối tượng tham dự:** NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học

**6. Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức chuyên sâu của kinh tế học dưới góc độ tiền tệ, có liên quan đặc biệt tới hoạt động của hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính, tới chính sách tiền tệ và quản lý nhà nước đối với thị trường tài chính.

- Rèn luyện khả năng tư duy kinh tế học

- Rèn luyện kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô thực tế như biến động lãi suất, tỷ giá, lạm phát,...

**7. Nội dung tóm tắt:** Học phần đề cập đến một số chủ đề quan trọng trong kinh tế học hiện đại, gắn với các vấn đề thực tế mang tính thời sự như quản lý lãi suất, tỷ giá, mức giá, thị trường tài chính,... nhằm đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững.

**8. Nhiệm vụ của NCS:**

- Dự lớp: Dự lớp theo yêu cầu

- Bài tập: Nghiên cứu, tóm tắt các tài liệu được giao từ các sách, tạp chí;

Ứng dụng phân tích các vấn đề thực tế theo chủ đề.

**9. Đánh giá kết quả:** (cách cho điểm theo quy định đối với Cao học)

- Mức độ dự giờ giảng: 10%

- Kiểm tra định kỳ: 20%

- Thi kết thúc học phần: 70%

**10. Nội dung chi tiết học phần:**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Giới thiệu môn học

Giới thiệu đề cương môn học

Giới thiệu tài liệu tham khảo

**Chương 1: Lãi suất và các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suất**

1.1. Tiền và lãi suất

1.2. Các loại lãi suất và đo lường lãi suất

- 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suất
- 1.4. Ứng dụng: Phân tích tình trạng lãi suất ở Việt Nam

### **Chương 2: Quá trình cung ứng tiền tệ và chính sách tiền tệ**

- 2.1. Ngân hàng trung ương và hoạt động phát hành tiền
- 2.2. Hoạt động tạo ra tiền của các ngân hàng thương mại
- 2.3. Chính sách tiền tệ và điều hành chính sách tiền tệ

### **Chương 3: Tỷ giá hối đoái và quản lý tỷ giá hối đoái**

- 3.1. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái
- 3.2. Hệ thống tài chính quốc tế và chính sách tiền tệ
- 3.3. Quản lý tỷ giá hối đoái ở Việt Nam

### **Chương 4: Lý thuyết tiền tệ**

- 4.1. Các lý thuyết cầu về tiền
- 4.2. Mô hình IS-LM: quan hệ lãi suất và sản lượng
- 4.3. Mô hình AD-AS: quan hệ giá và sản lượng
- 4.3. Tiền tệ và lạm phát
- 4.4. Ứng dụng: Phân tích tình hình lạm phát ở Việt Nam

### **Chương 5: Cấu trúc tài chính và khủng hoảng tài chính**

- 5.1. Hệ thống tài chính và vai trò của hệ thống tài chính
- 5.2. Những vấn đề cơ bản về cấu trúc tài chính và phân tích kinh tế về cấu trúc tài chính
- 5.3. Khủng hoảng tài chính và những vấn đề đặt ra

### **11. Tài liệu học tập:**

Frederic S.Mishkin. (1994) Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (The Economics of Money, Banking and Financial Markets). NXB Khoa học và kỹ thuật.

### **12. Tài liệu tham khảo:**

- Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus. (1997) *Kinh tế học, tập 2*. NXB Chính trị quốc gia
- George Cooper. (2008) *Nguồn gốc khủng hoảng tài chính*; NXB Lao động Xã hội.
- [1] William A. Fleckenstein,...(2009) *Những bong bóng tại chính phủ Greespan – Mét thời kỳ xu hướng ngược lại Ngân hàng Dù trên Liên bang*. NXB Tổng hợp Tp. Hà Nội
- [2] George Soros. (2009) *Mô thức mới cho thị trường tài chính – Cuộc khủng hoảng tại chính phủ 2008 và ý nghĩa của nó*. NXB Tri thức.
- [3] Lê Vinh Danh. (2009) *Tiền và hoạt động ngân hàng*. NXB Giao thông Vận tải.

**EM7261 Kinh tế Tri thức**  
**Knowledge Economy**

**1. Tên học phần:** Kinh tế Tri thức

**2. Mã học phần:** EM7261

**3. Tên tiếng Anh:** Knowledge Economy

**4. Khối lượng:** 3(2-2-0-6)

- Lý thuyết: 30 tiết

- Bài tập: 30 tiết - Bài tập lớn (BTL)

- Thảo luận tình huống: Trên lớp

**5. Đối tượng tham dự:** Tất cả NCS thuộc chuyên ngành Kinh tế học và các chuyên ngành liên quan

**6. Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm mang lại cho NCS:

- Các kiến thức về lý luận, nội hàm, đặc điểm và tiêu chí nền Kinh tế Tri thức

- Các kiến thức về xây dựng chính sách phát triển Kinh tế Tri thức

- Rèn luyện khả năng tư duy về con đường phát triển Kinh tế Tri thức ở Việt Nam

**7. Nội dung tóm tắt:**

Là học phần chuyên sâu *có tính chuyên đề cao* cung cấp cho NCS chuyên ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh (hoặc ngành liên quan) những kiến thức có tính hệ thống về nền Kinh tế Tri thức, bao gồm các kiến thức cơ bản về nguồn gốc, nội hàm và đặc điểm của Kinh tế Tri thức, xu hướng tất yếu phát triển Kinh tế Tri thức, các chính sách phát triển và mối quan hệ của phát triển Kinh tế Tri thức và sự nghiệp CNH – HĐH của Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế và nền kinh tế toàn cầu hóa.

**8. Nhiệm vụ của NCS:**

- *Dự lớp:* Nghe giảng đầy đủ, tham gia tích cực việc thảo luận và đóng góp ý kiến giải quyết các tình huống, thảo luận nhóm,...theo Quy chế học tập của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

- *Bài tập:* Chọn đề tài, được Giáo viên chấp thuận, thu thập thông tin tư liệu,...hoàn thành các bài tập về nhà và BTL của học phần theo quy định của Giáo viên giảng dạy và của Trường ĐHBK Hà Nội.

- *Thi giữa kỳ và Bảo vệ BTL để tính Điểm kết thúc học phần.*

**9. Đánh giá kết quả:**

- *Mức độ dự giờ giảng:* Điểm chuyên cần và quá trình học tập, trọng số **0,40**

- Bài tập giao về nhà làm đầy đủ và đạt từ trung bình trở lên;

- Nộp BTL đúng hạn (và là *điều kiện có Điểm kết thúc học phần*)

- *Thi kết thúc học phần:* Bảo vệ BTL (có slides & Tiểu luận), trọng số **0,60**

*(Tùy thuộc vào điều kiện học tập của NCS, Giảng viên sẽ công bố phương pháp học và cách đánh giá kết quả môn học ở buổi học đầu tiên)*

## **10. Nội dung chi tiết học phần:**

### **PHÂN MỞ ĐẦU**

Giới thiệu môn học

Giới thiệu Đề cương môn học, Phương pháp học và Đánh giá kết quả học tập

Giới thiệu tài liệu tham khảo

### **CHƯƠNG 1: Nguồn gốc, nội hàm và đặc điểm của Kinh tế Tri thức**

- 1.1 Nguồn gốc của Kinh tế Tri thức
- 1.2 Công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao và ngành sản xuất thứ tư
- 1.3 Đặc điểm của Kinh tế Tri thức
- 1.4 Hệ thống chỉ tiêu của nền Kinh tế Tri thức
- 1.5 Viễn cảnh của Kinh tế Tri thức

### **CHƯƠNG 2: Xu hướng mới nền Kinh tế tiếp theo–Tri thức hóa Kinh tế thế giới**

- 2.1 Phân tích và phân loại các nền Kinh tế thế giới
- 2.2 Xu hướng mới của nền Kinh tế tiếp theo – Kinh tế Tri thức
- 2.3 Sản phẩm, Dịch vụ, Quá trình sản xuất, Quản trị và Chất lượng trong Kinh tế Tri thức
- 2.4 Các yếu tố thúc đẩy xu hướng phát triển Kinh tế Tri thức

### **CHƯƠNG 3: Chính sách phát triển Kinh tế Tri thức**

- 3.1 Đầu tư phát triển nhân lực chất lượng cao
- 3.2 Quản trị dựa vào tri thức
- 3.3 Đầu tư phát triển R&D công nghệ cao
- 3.4 Nguồn tài nguyên sáng tạo và Kinh tế Tri thức
- 3.5 Thu hút, tuyển chọn và sử dụng nhân tài trong nền Kinh tế Tri thức
- 3.6 Môi trường lao động trong nền Kinh tế Tri thức

### **CHƯƠNG 4: Kinh tế Tri thức và sự nghiệp công nghiệp hóa & hiện đại hóa ở Việt Nam**

- 4.1 Đặc điểm nền kinh tế Việt Nam và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế
- 4.2 Cơ hội và thách thức nền kinh tế Việt Nam phát triển Kinh tế Tri thức
- 4.3 Thành tựu về kinh tế-xã hội và khoa học-công nghệ của Việt Nam

- những năm đổi mới
- 4.4 Vai trò của Kinh tế Tri thức trong sự phát triển đất nước
  - 4.5 Các chiến lược và hệ thống giải pháp chính để phát triển Kinh tế Tri thức ở Việt Nam

#### **11. Tài liệu học tập:**

- [1] Nguyễn Văn Thanh (2011- ppt) *Kinh tế Tri thức*. Slides bài giảng Chuyên đề. Khoa Kinh tế & Quản lý, Đại học Bách khoa Hà Nội .

#### **12. Tài liệu tham khảo:**

- [1] Ngô Quý Tùng (2001- dịch) *Kinh tế Tri thức – Xu thế mới của xã hội thế kỷ XXI*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- [2] GS.Vũ Đình Cự & PGS.Trần Xuân Sâm (2006) *Lực lượng sản xuất mới và Kinh tế Tri thức*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật
- [3] GS.Đặng Hữu (2005) *Kinh tế Tri thức – Thời cơ và Thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật
- [4] Đặng Nguyên – Thu Hà (2002) *Quản lý công nghệ trong nền Kinh tế Tri thức*. NXB Hà Nội.
- [5] Thế Trường (2004) *Hành trang thời đại Kinh tế Tri thức*. NXB GTVT.
- [6] Subir Chowdhury (2006 – dịch) *Quản lý trong thế kỷ 21*. NXB GTVT.
- [7] *Kinh tế Tri thức – Vấn đề và Giải pháp*. Kinh nghiệm của các nước phát triển và đang phát triển (2001- nhiều tác giả). NXB Thống kê.
- [8] GS.Nguyễn Kế Tuấn (2004) *Phát triển Kinh tế Tri thức thúc đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH ở Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.